

THÁI ĐỘ CỦA GIÁNG VIÊN ĐỐI VỚI MỐI QUAN HỆ GIỮA GIÁO VIÊN VÀ NGƯỜI HỌC

ĐOÀN VĂN ĐIỀU*

TÓM TẮT

Một trong những phẩm chất nghề nghiệp cần được đào tạo cho giáo viên (GV) là thái độ đối với bản thân, nghề nghiệp, đồng nghiệp và người học. Để giáo dục và giảng dạy hiệu quả, GV cần phát triển mối quan hệ giữa GV và người học. Bài viết này trình bày kết quả khảo sát thái độ trên những GV đang theo học tại các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giảng viên tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSPTPHCM). Kết quả cho thấy GV có ý hướng tích cực với nghề dạy học, có khả năng giảng dạy tốt chuyên ngành, nhưng cần được bồi dưỡng về kỹ năng sư phạm.

Từ khóa: phẩm chất nghề nghiệp, thái độ, mối quan hệ, ý hướng.

ABSTRACT

Lecturers' attitude towards the relationship between teachers and students

One of the professional qualifications in training teachers is the attitude towards teachers themselves, their job, colleagues and students. For effective education and teaching, teachers need to develop the relationship between teachers and students. The article presents results from the survey of the attitude of teachers attending pedagogical professional development classes for lecturers at Ho Chi Minh City University of Education. The results show that teachers have positive attitude towards the teaching career, and are able to teach their majors well. However, more pedagogical skills trainings are also needed.

Keywords: professional qualification, attitude, relationship, attitude.

1. Đặt vấn đề

Một trong những yếu tố của sự thành công trong giáo dục và giảng dạy là mối quan hệ thầy trò tích cực. Người dạy trải nghiệm mối quan hệ tích cực với người học cho biết người học ít có khả năng trốn học và có sự tự định hướng, hợp tác nhiều hơn đối với việc học [2], [8]. Tương tự, người học cho biết, họ thích đến trường hơn và ít có cảm giác cô đơn khi người học có mối quan hệ chặt chẽ với người dạy. Người học có mối quan hệ thầy trò tốt luôn sẵn sàng đến trường và đạt hiệu suất cao hơn khi sử dụng các biện pháp học tập [2]. Người dạy sử dụng phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm (nghĩa là, trong thực tế cho thấy GV nhạy cảm với sự khác biệt cá nhân giữa người học như việc người học đưa ra quyết định, chấp nhận nhu cầu phát triển cá nhân và mối quan hệ của người học) tạo ra động cơ lớn hơn trong người học của họ so với những GV sử dụng ít các phương pháp như thế. [5]

Mối quan hệ thầy trò tích cực được thể hiện như sau:

* PGS TS, Trường Đại học Sư phạm TP HCM; Email: doanvandieu@hcmup.edu.vn

- Người dạy bày tỏ niềm vui và sự thoải mái của họ về người học.
- Người dạy tương tác một cách tôn trọng.
- Người dạy giúp đỡ người học trong việc đạt được mục tiêu học tập và xã hội.
- Người dạy giúp người học suy nghĩ về kỹ năng tư duy và học tập của mình.
- Người dạy biết và chứng minh kiến thức về nền tảng, hứng thú, điểm mạnh cảm xúc và trình độ học tập của cá nhân người học.
- Người dạy ít khi thể hiện sự khó chịu hoặc xúc cảm nặng nề đối với người học.

[6]

Thái độ là một khái niệm tạo lập mang tính giả thuyết thể hiện việc thích hoặc không thích của một cá nhân đối với một sự vật. Thái độ là quan điểm tích cực, tiêu cực hoặc trung tính của một “đối tượng thái độ”; nghĩa là, một người, hành vi hay sự kiện. Con người cũng có thể là “nước đôi” đối với một mục tiêu, có nghĩa là, họ đồng thời sở hữu một thái độ tích cực và một thành kiến tiêu cực đối với thái độ trong câu hỏi. Quan điểm thái độ là sự kết hợp tóm tắt của bốn thành phần: (a) Đáp ứng tình cảm, (b) Nhận thức, (c) Hành vi, và (d) Ý định hành vi [7]. Thành phần tình cảm của thái độ được cho là bao gồm sự đánh giá của một người về ý thích, hoặc đáp ứng cảm xúc trong một số tình huống, đối tượng, con người. Đáp ứng tình cảm phản ánh thái độ của một người với cảm giác của niềm vui, nỗi buồn, hay các cấp độ khác của kích thích cơ thể. [5]

2. Thể thức và phương pháp nghiên cứu

2.1. Thang đo

Thang đo là thang thái độ được soạn theo phương pháp Likert. Sau khi thu thập những câu trả lời từ câu hỏi mở, chúng tôi đã soạn một thang đo gồm 60 câu hỏi, mỗi câu có 5 mức trả lời như sau:

- 1: Hoàn toàn không đồng ý (quy ra điểm khi xử lí là 1)
- 2: Không đồng ý (quy ra điểm khi xử lí là 2)
- 3: Lưỡng lự (quy ra điểm khi xử lí là 3)
- 4: Đồng ý (quy ra điểm khi xử lí là 4)
- 5: Hoàn toàn đồng ý (quy ra điểm khi xử lí là 5)

Thang đo gồm 60 câu được sử dụng để thu số liệu ở lớp bồi dưỡng Lí luận dạy học đại học và lớp Nghiệp vụ sư phạm giảng viên tại Trường ĐHSPTHCM (tháng 8 năm 2014). Thông qua các phương pháp Phân tích nội dung và Phân tích yếu tố, thang đo gồm 47 câu được sử dụng trong bài viết này.

2.2. Mẫu chọn

Tổng cộng: 97

Vị trí công tác	N	%
Không trả lời	15	15,5
Quản lí	11	11,3
Người dạy	71	73,2

Thâm niên công tác	N	%
Không trả lời	10	10,3
Dưới 5 năm	65	67,0
Từ 5 đến 10 năm	17	17,5
Từ 10 đến 15 năm	3	3,1
Trên 15 năm	2	2,1
Giới tính	N	%
Không trả lời	2	2,1
Nam	34	35,1
Nữ	61	62,9
Độ tuổi	N	%
Không trả lời	2	2,1
từ 20 tuổi đến 29 tuổi	70	72,2
từ 30 tuổi đến 39 tuổi	20	20,6
từ 40 tuổi đến 49 tuổi	5	5,2

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Những tham số của thang đo

- Hệ số tin cậy của thang (Cronbach's Alpha): 0,752
- Độ phân cách (ĐPC) của các câu trong thang thái độ

Bảng 1. Độ phân cách của các câu trong trong thái độ

Câu	ĐPC	Câu	ĐPC	Câu	ĐPC	Câu	ĐPC	Câu	ĐPC	Câu	ĐPC
1	0,009	10	0,043	19	0,291	28	0,054	37	0,014	46	0,010
2	0,224	11	0,162	20	0,106	30	0,023	38	0,100	47	0,193
3	0,000	12	0,195	21	0,089	31	0,134	39	0,055		
4	0,192	13	0,169	22	0,127	31	0,053	40	0,190		
5	0,202	14	0,095	23	0,010	32	0,091	41	0,127		
6	0,109	15	0,148	24	0,169	33	0,142	42	0,105		
7	0,101	16	0,049	25	0,204	34	0,107	43	0,067		
8	0,106	17	0,140	26	0,018	35	0,160	44	0,128		
9	0,139	18	0,056	27	0,010	36	0,000	45	0,085		

- Độ phân cách của các câu trong bảng đều ở mức trung bình trở xuống nên không có độ phân cách cao. Nói cách khác, những người dạy tham gia trả lời có thái độ tương tự nhau.

3.2. Đánh giá của giảng viên theo các lớp nghiệp vụ sư phạm về thái độ của người dạy đối với mối quan hệ giữa người dạy và người học

Để mô tả mang tính khái quát hơn, các thuật ngữ người dạy và người học được sử dụng trong thang đo.

Một điểm đáng lưu ý ở kết quả này là khi đánh giá âm tính đối với một sự kiện hoặc hoàn cảnh không tốt có nghĩa là người đó có thái độ dương tính với sự kiện hoặc hoàn cảnh đó. Do đó, sự kiện hoặc hoàn cảnh trong phần được đánh giá ở mức độ thấp nhất là những thái độ âm tính, thì thái độ của những người dạy là dương tính. Nói cách khác, người dạy có thái độ tích cực đối với mối quan hệ với người học.

Bảng 2. Đánh giá của giảng viên theo các lớp nghiệp vụ sư phạm về thái độ của người dạy đối với quan hệ thầy trò

Nội dung	TB	ĐLTC	Thứ bậc
12. Người học cần phải được biết rõ những gì ta trông đợi ở họ	4,21	0,68	1
13. Người học hay thắc mắc hỏi han thầy cô thì tốt hơn là người học không có gì để thắc mắc cả	3,82	1,11	2
14. Vấn đề giữ gìn trật tự trong lớp học không đến nỗi khó khăn như người ta vẫn tưởng	3,73	0,88	3
15. Người học cần được nhiều tự do hơn trong việc tổ chức và thực hiện các hoạt động học tập của họ	3,68	1,00	4
16. Không nên quan trọng hóa các điểm số ở lớp học	3,64	0,87	5
17. Người học phải kính trọng thầy cô giáo vì họ là “bậc thầy”	3,52	1,21	6
18. Càng được tự do, người học càng phát huy sáng kiến	3,36	0,97	7
19. Thầy giáo càng dễ dãi, người học càng lười học	3,35	1,19	8
1. Đáng lẽ kỉ luật tại các trường học phải chặt chẽ hơn nữa	3,32	1,07	9
20. Không thể chấp nhận người học thì thầm nói chuyện trong giờ học	3,28	1,02	10
21. Cần phải cấm người học đi trễ không được vào lớp học	3,16	1,02	11
22. Người học bây giờ thường thiếu tinh thần trách nhiệm	3,16	1,02	12
23. Người học có kết quả kém là vì họ không chịu khó học	3,13	1,16	13
2. Người học ngày nay được thả lỏng, muốn làm gì thì làm	3,10	1,10	14
3. Đa số người học đều ngoan ngoãn, dễ bảo	3,00	1,11	15
24. Người học bây giờ vô tư quá, chẳng biết lo lắng là gì	2,96	1,06	16
25. Càng được dạy theo lối mới, người học càng kém	2,94	0,90	17
26. Người học không có tinh thần chủ động sáng tạo	2,93	0,97	18
4. Người học không có ý thức kỉ luật tự giác	2,89	1,02	19
27. Người học phải được tự do nhiều hơn nữa trong lớp học	2,82	0,98	20
28. Những vấn đề kỉ luật khó xử ít khi là do lỗi của người dạy	2,78	0,93	21
29. Người học coi thường sự học nên không cố gắng học tốt	2,77	1,04	22
30. Người học cần phải tin rằng người dạy là người có kiến thức rộng	2,74	1,14	23
31. Người dạy ít khi thấy người học của mình thực sự là dễ thương	2,71	1,24	24
32. Người học đủ khả năng để có thể tự quyết định	2,60	0,97	25

33. Phải kiểm soát người học thật chặt chẽ thì họ mới khá được	2,59	0,98	26
34. Đa số người học không thích học	2,58	0,97	27
5. Người học học kém không phải lỗi của thầy cô	2,55	1,04	28
35. Cần cho người học hiểu lí do vì sao người lớn ngăn cấm họ làm điều gì	2,55	0,98	29
36. Người học đến trường là để học các môn văn hóa chứ không phải tham gia vào các hoạt động khác	2,51	0,81	30
6. Người học không đủ khả năng và ý chí tự học, tự trau dồi kiến thức	2,50	0,96	31
7. Người học coi thường việc học một cách quá đáng	2,48	0,92	32
37. Người dạy và trường học thường tỏ ra khoan dung với những lỗi lầm của người học	2,40	0,96	33
38. Người dạy cũng có thể sai lầm như người học vậy	2,37	1,02	34
39. Dạy học sao cho phù hợp với hứng thú của người học là một điều khó thực hiện được trong thực tế	2,26	1,12	35
8. Người dạy không nên quan trọng hóa việc giữ gìn trật tự trong lớp học	2,22	0,98	36
40. Đừng có mong rằng người học yêu thích trường học	2,15	1,02	37
41. Người học bỏ học hay trốn học thường do lỗi nhà trường	2,06	0,76	38
9. Người dạy đừng bao giờ thú nhận trước người học rằng mình không hiểu biết một vấn đề nào đó	2,05	0,93	39
42. Người học thường không độc lập trong cách suy nghĩ	2,04	0,82	40
10. Người dạy không cần bận tâm đến những vấn đề riêng tư của người học	1,98	0,87	41
43. Có một thiểu số người học biết ơn người dạy	1,97	0,90	42
44. Không nên để cho người học khác giới hoạt động chung với nhau nhiều trong các hoạt động văn nghệ, lao động... ở trường học	1,96	0,83	43
45. Phải trừng phạt thật nặng người học không giữ kỉ luật trong lớp học	1,95	0,94	44
46. Không thể tin nhiều vào lời nói của người học	1,91	0,87	45
7. Người học không nên hỏi người dạy những gì ngoài môn học được giảng dạy	1,86	0,63	46
11. Người học phải vâng lời người dạy mà không được thắc mắc gì cả	1,82	0,87	47

Điểm tỉ lệ bách phân của thang thái độ quy ra các mức đánh giá

Điểm số	Điểm tỉ lệ bách phân	Mức độ
> 2,93	> 81%	Rất cao
2,76– 2,92	61% - 80%	Cao
2,67– 2,75	41% - 60%	Trung bình
2,54- 2,66	21% - 40%	Thấp
< 2,54	< 20%	Rất thấp

Bảng 2 cho thấy các mức độ đánh giá của giảng viên từ cao xuống thấp như sau:

- **Mức độ rất cao:** người học cần phải được biết rõ những gì ta trông đợi ở họ; người học hay thắc mắc hỏi han thầy cô thì tốt hơn là người học không có gì để thắc mắc cả; vấn đề giữ gìn trật tự trong lớp học không đến nỗi khó khăn như người ta vẫn tưởng; người học cần được nhiều tự do hơn trong việc tổ chức và thực hiện các hoạt động học tập của họ; không nên quan trọng hóa các điểm số ở lớp học; người học phải kính trọng người dạy vì họ là “bậc thầy”; càng được tự do, người học càng phát huy sáng kiến; người dạy càng dễ dãi, người học càng lười học; đáng lẽ kỉ luật tại các trường học phải chặt chẽ nhiều hơn; không thể chấp nhận người học thì thầm nói chuyện trong giờ học; cần phải cấm người học đi trễ vào lớp học; người học bây giờ thường thiếu tinh thần trách nhiệm; người học có kết quả kém là vì họ không chịu khó học; người học ngày nay được thả lỏng, muốn làm gì thì làm; đa số người học đều ngoan ngoãn, dễ bảo; người học bây giờ vô tư quá, chẳng biết lo lắng là gì; càng được dạy theo lối mới, người học càng kém và người học không có tinh thần chủ động sáng tạo.

Những thái độ được đánh giá rất cao, gồm có:

- **Dương tính:** Mong muốn người học được tích cực hơn, độc lập hơn trong suy nghĩ, tự do hơn trong tham gia hoạt động trong nhà trường và trong việc lập kế hoạch học tập cũng như tự giác hơn trong việc giữ gìn kỉ luật của nhà trường. Ngoài ra, việc tạo ra môi trường học tập phù hợp với xu hướng của xã hội cũng được đánh giá rất cao.

- **Âm tính:** Cần giữ gìn kỉ luật của nhà trường theo một quy định về cách ứng xử, về học tập và về rèn luyện.

- **Mức độ cao:** Người học không có ý thức kỉ luật tự giác; người học phải được tự do nhiều hơn nữa trong lớp học; những vấn đề kỉ luật khó xử không do lỗi của người dạy và người học coi thường sự học nên không cố gắng học tốt.

Những thái độ được đánh giá cao là những thái độ:

- **Dương tính:** Người học cần được tự do trong lớp học.
- **Âm tính:** Kỉ luật tự giác của người học, kỉ luật và người học không coi trọng việc học.

- **Mức độ trung bình:** Người học cần phải tin rằng người dạy là người có kiến thức rộng hơn và người dạy ít khi thấy người học của mình thực sự dễ thương.

- **Mức độ thấp:** Người học đủ khả năng để có thể tự quyết định; phải kiểm soát

người học thật chặt chẽ thì họ mới khá được; đa số người học không thích học; người học học kém không phải là lỗi của thầy cô và cần phải cho người học hiểu lí do vì sao người lớn ngăn cấm họ làm điều gì.

Những thái độ được đánh giá trung bình và thấp là những thái độ đối với việc học lấy người dạy làm trung tâm.

- **Mức độ rất thấp:** Người học đến trường là để học các môn văn hóa chứ không phải tham gia vào các hoạt động khác; người học không đủ khả năng và ý chí tự học, tự trau dồi kiến thức; người học coi thường việc học một cách quá đáng; người dạy và trường học thường tỏ ra khoan dung với những lỗi lầm của người học; người dạy cũng có thể sai lầm như người học vậy; dạy học sao cho phù hợp với hứng thú của người học là một điều khó thực hiện được trong thực tế; người dạy không nên quan trọng hóa việc giữ gìn trật tự trong lớp học; đừng kì vọng rằng người học sẽ yêu thích trường học; người học bỏ học hay trốn học là do lỗi nhà trường; người dạy chẳng nên thú nhận trước người học rằng mình không hiểu một vấn đề nào đó; người học thường không độc lập trong cách suy nghĩ; người dạy không cần bận tâm đến những vấn đề riêng tư của người học; thiếu số người học biết ơn người dạy; không nên để cho người học khác giới hoạt động chung với nhau nhiều trong các hoạt động văn nghệ, lao động... ở trường học; phải trừng phạt thật nặng những người học không giữ kỉ luật trong lớp học; không thể tin nhiều vào lời nói của người học; người học không nên hỏi người dạy những gì ngoài môn học được giảng dạy và người học phải biết vâng lời người lớn mà không được thắc mắc gì cả.

3.3. So sánh đánh giá của giảng viên theo các lớp nghiệp vụ sư phạm về thái độ của người dạy đối với mối quan hệ giữa người dạy và người học

Chúng tôi dùng phương pháp phân tích yếu tố để phân chia các câu trong thang thái độ thành những yếu tố. Trong những yếu tố này gồm cả những câu dương tính và âm tính. Trong quá trình phân tích theo phần mềm SPSS for Win, phiên bản 13.0, kết quả được sắp xếp theo từng yếu tố như sau:

- Yếu tố 1 (Người dạy giúp người học suy nghĩ về kĩ năng tư duy và học tập của mình) gồm các câu: c4; c6; c7; c8; c12; c16; c18; c23; c29; c31; c37 và c46.
- Yếu tố 2 (Người dạy biết và chứng minh kiến thức về nền tảng, hứng thú, điểm mạnh cảm xúc và trình độ học tập của mỗi người học) gồm các câu: c9; c21; c22; c35; c39; c40 và c42.
- Yếu tố 3 (Người dạy giúp đỡ người học trong việc đạt được mục tiêu học tập và xã hội) gồm các câu: c10; c27; c28; c30; c33; c38; c41; c44 và c45.
- Yếu tố 4 (Người dạy bày tỏ niềm vui và sự thoải mái về người học) gồm các câu: c5; c14; c17; c24; c32; c43 và c47.
- Yếu tố 5 (Người dạy tương tác một cách tôn trọng) gồm các câu: c2; c11; c15; c19; c25; c26 và c36.
- Yếu tố 6 (Người dạy ít khi thể hiện sự khó chịu hoặc xúc cảm nặng nề đối với người học) gồm các câu: c1; c3; c13; c20 và c34.

Bảng 3. Thứ bậc của các yếu tố trong thang thái độ

Yếu tố	TB	ĐLTC	Thứ bậc
6. Người dạy ít khi thể hiện sự khó chịu hoặc xúc cảm nặng nề đối với người học	3,10	0,52	1
4. Người dạy bày tỏ niềm vui và sự thoải mái về người học	2,98	0,30	2
1. Người dạy giúp người học suy nghĩ về kĩ năng tư duy và học tập của mình	2,87	0,57	3
5. Người dạy tương tác một cách tôn trọng	2,79	0,58	4
3. Người dạy giúp đỡ người học trong việc đạt được mục tiêu học tập và xã hội	2,62	0,58	5
2. Người dạy biết và chứng minh kiến thức về nền tảng, hứng thú, điểm mạnh cảm xúc và trình độ học tập của mỗi người học	2,15	0,53	6

Bảng 3 cho thấy các yếu tố trong thang thái độ được đánh giá theo thứ bậc từ cao xuống thấp như sau: Người dạy ít khi thể hiện sự khó chịu hoặc xúc cảm nặng nề đối với người học; người dạy bày tỏ niềm vui và sự thoải mái của họ về người học; người dạy giúp người học suy nghĩ về kĩ năng tư duy và học tập của mình; người dạy tương tác một cách tôn trọng; người dạy giúp đỡ người học trong việc đạt được mục tiêu học tập và xã hội và người dạy biết và chứng minh kiến thức về nền tảng, hứng thú, điểm mạnh cảm xúc và trình độ học tập của cá nhân người học.

Bảng 4. So sánh về thái độ của người dạy đối với mỗi quan hệ giữa người dạy và người học theo giới tính

Yếu tố	Giới tính				F df =1	P
	Nam		Nữ			
	TB	ĐLTC	TB	ĐLTC		
Người dạy giúp người học suy nghĩ về kĩ năng tư duy và học tập của mình	2,87	0,48	2,85	0,61	0,01	0,91
Người dạy biết và chứng minh kiến thức về nền tảng, hứng thú, điểm mạnh cảm xúc và trình độ học tập của cá nhân người học	2,20	0,44	2,12	0,59	0,39	0,53
Người dạy giúp đỡ người học trong việc đạt được mục tiêu học tập và xã hội	2,66	0,63	2,58	0,56	0,42	0,51
Người dạy bày tỏ niềm vui và sự thoải mái của họ về người học	3,04	0,27	2,95	0,31	2,05	0,15
Người dạy tương tác một cách tôn trọng	2,89	0,66	2,73	0,52	1,55	0,21
Người dạy ít khi thể hiện sự khó chịu hoặc xúc cảm nặng nề đối với người học	3,03	0,62	3,14	0,46	0,97	0,32

Bảng 4 cho thấy thái độ của người dạy đối với mối quan hệ giữa người dạy và người học theo giới tính không có ý nghĩa về mặt thống kê ($P > 0.05$). Nói cách khác, các giảng viên nam và nữ có thái độ tương tự đối với mối quan hệ giữa người dạy và người học.

Bảng 5. So sánh về thái độ của người dạy đối với mối quan hệ giữa người dạy và người học theo độ tuổi

Yếu tố	Độ tuổi từ						F df = 2	P
	20 đến 29		30 đến 39		40 đến 49			
	TB	ĐLTC	TB	ĐLTC	TB	ĐLTC		
Người dạy giúp người học suy nghĩ về kỹ năng tư duy và học tập của mình	2,89	0,55	2,84	0,63	2,50	0,42	1,12	0,33
Người dạy biết và chứng minh kiến thức về nền tảng, hứng thú, điểm mạnh cảm xúc và trình độ học tập của cá nhân người học	2,13	0,52	2,16	0,64	2,40	0,23	0,54	0,58
Người dạy giúp đỡ người học trong việc đạt được mục tiêu học tập và xã hội	2,60	0,53	2,61	0,79	2,76	0,43	0,17	0,83
Người dạy bày tỏ niềm vui và sự thoải mái của họ về người học	2,96	0,32	3,08	0,26	2,87	0,15	1,49	0,23
Người dạy tương tác một cách tôn trọng	2,80	0,57	2,72	0,68	2,82	0,23	0,18	0,83
Người dạy ít khi thể hiện sự khó chịu hoặc xúc cảm nặng nề đối với người học	3,10	0,51	3,22	0,51	2,72	0,71	1,81	0,16

Bảng 5 cho thấy thái độ của người dạy đối với mối quan hệ giữa người dạy và người học theo độ tuổi không có ý nghĩa về mặt thống kê ($P > 0.05$). Nói cách khác, các giảng viên ở các độ tuổi khác nhau có thái độ tương tự đối với mối quan hệ giữa người dạy và người học.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy trong các nội dung được khảo sát, GV học các lớp nghiệp vụ sư phạm giảng viên tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh đạt được những mức độ như sau:

- Rất cao và cao: Có xu hướng làm nghề dạy học rõ ràng vì những giảng viên này bày tỏ thái độ tích cực khi làm việc với người học; giúp người học phát triển kỹ năng tư

duy trong học tập; tôn trọng người học trong giao tiếp.

- Dưới trung bình: Mở rộng ứng dụng việc học vào cuộc sống; sự hiểu biết nhiều mặt về người học.

Có thể nói, GV tham gia học các lớp nghiệp vụ sư phạm giảng viên tại Trường ĐHSP TPHCM cần được bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy kết hợp giữa lí thuyết và thực tiễn, đồng thời cần quan tâm đến người học nhiều hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2000), *Điều lệ trường trung học, Người dạy trường trung học* (ban hành kèm theo Quyết định số: 23/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 11 tháng 7 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
2. Sondra H. Birch, Gary W. Ladd, (1997), “The Teacher-Child Relationship and Children's Early School Adjustment”, *Journal of School Psychology*, Vol. 35, No. 1, pp. 61-79, 1997, Society for the Study of School Psychology in the USA, <http://www.irre.org/publications/relationships-matter-linking-teacher-support-student-engagement-and-achievement>
3. Linda Darling - Hammond, Ruth Chung Wei, Alethea Andree, Nikole Richardson, and Stelios Orphanos (2009), “*Professional Learning In The Learning Profession: A Status Report on Teacher Development in the United States and Abroad*”, National Staff Development Council and The School Redesign Network at Stanford University, <http://learningforward.org/docs/pdf/nsdcstudy2009.pdf>
4. H. Jerome Freiberg, “*Essential Skills for New Teachers*”, <http://www.ascd.org/publications/educational-leadership/mar02/vol59/num06/Essential-Skills-for-New-Teachers.aspx>.
5. Daniels, D. H., & Perry, K. E. (2003), “Learner-centered” according to children. *Theory into Practice*, Volume 42, Number 2, Spring 2003, 102-108. <http://gse3.berkeley.edu/program/.../perry.pdf>.
6. “Improving Students' Relationships with Teachers to Provide Essential Supports for Learning - Positive relationships can also help a student develop socially”, <https://www.apa.org/education/k12/relationships.aspx?item=1>.
7. Zimbardo, Leippe. (1991), “Quarterly Review of Distance Education”, <https://books.google.com.vn/books?isbn=7774549676>.
8. Klem, A. M., Connell, J. P. (2004), *Relationships Matter: Linking Teacher Support to Student Engagement and Achievement*. *Journal of School Health*, <http://www.irre.org/publications/relationships-matter-linking-teacher-support-student-engagement-and-achievement>

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 08-01-2015; ngày phản biện đánh giá: 27-3-2015;
ngày chấp nhận đăng: 22-6-2015)